

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2015

Kính gửi:

- UBND tỉnh Phú Yên
- Sở Tài chính Phú Yên.

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 V/v hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với DN do nhà nước làm chủ sở hữu và DN có vốn nhà nước;

Căn cứ báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại đơn vị;

Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động 6 tháng năm 2015 như sau:

1. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

1.1 Tình hình đầu tư mua sắm tài sản cố định trong năm 2014 (theo biểu 01-mẫu số 01).

Sáu tháng đầu năm 2015 Công ty không đầu tư và thực hiện các dự án để hình thành TSCĐ.

Tuy nhiên có sửa chữa lớn TSCĐ: thay toàn bộ mái tole nhà kho số 3 và 4 do mưa lớn bị dột, mặc dù đã cố gắng dùng các biện pháp khắc phục nhưng không được, mùa mưa cuối năm 2014 hàng hóa (xi măng) trong kho 3&4 của khách hàng bị ướt Công ty phải xử lý bồi thường, tổng chi phí sửa chữa là: 170.743.636đ, phân bổ trong năm 2015: 33.200.151đ.

Dự kiến: Trong 6 tháng cuối năm sẽ đầu tư mở rộng kho số 2 tại Cảng theo chủ trương đầu tư mở rộng kho đã được UBND tỉnh chấp thuận và mua thêm 01 xe cầu để tăng năng lực xếp dỡ.

1.2 Sáu tháng đầu năm công ty không có huy động vốn và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

Trong năm Công ty không vay ngân hàng chỉ tập trung thu hồi vốn trả nợ ngân hàng và khách hàng.

1.3 Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, phải trả:

-Phần tài sản: Bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình. TSCĐ hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, riêng bên liên bờ và công hợp thoát nước mưa công ty chưa tính trích khấu hao do không tham gia vào hoạt động SXKD và TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm/theo thời gian giao đất.

-Phần công nợ phải thu: Tổng số nợ phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác đến ngày 30/6/2015 bao gồm các khoản nợ sau:

+ Phải thu ngắn hạn : 1.877.879.829đ đây là các khoản phải thu phí dịch vụ, thuê kho, xếp dỡ ... tại kho bãi, cầu cảng của khách hàng thường xuyên sử dụng dịch vụ tại cảng, đây là công nợ trong thời hạn thanh toán chưa có trường hợp nào quá hạn, đây đưa khó đòi.

+ Phải thu dài hạn : 50.431.864.682đ đây là khoản nợ tồn đọng khó đòi từ các năm trước chuyển sang đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100%, trong đó:

- Công ty TNHH SXTM Đại Lộc: 49.954.996.739đ đây là công nợ khó đòi liên quan đến vụ án hình sự xảy ra tại Công ty, hiện Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý sắp đưa ra xét xử vào ngày 03/8/2015.

- Công ty TNHH SXTM Vinh Phát Đạt: 445.500.000đ và Công ty TNHH nguồn tiếp vận Song Long: 31.367.943đ, hai khoản nợ này đã lâu nhưng nhiều năm qua hai bên không đối chiếu và xác nhận (không rõ lý do) mặc dù đơn vị nợ vẫn tồn tại.

+ Phải thu tạm ứng nội bộ:

TT	Tên người nợ	Số tiền nợ (đ)	Lý do
1	Nguyễn Võ Anh Quốc	26.493.000	Ứng xăng xe và công tác phí.
2	Lê Thị Bưởi	15.000.000	Ứng CP tiền ăn CNBX.
3	Phạm Văn Duyên Chung	11.520.000	Ứng chi phí hành chính.
4	Nguyễn Thị Lệ	5.000.000	Ứng CP tiền ăn CB.
5	Bùi Tấn Nguyên	6000.000	Ứng CP xăng xe.
6	Tạm ứng lương CNBX	40.900.878	Ứng lương tháng 7/2015.
	Cộng	104.913.878	

+ Phải thu khác:

- Chi phí liên quan đến kê biên và bảo vệ TS Cty Đại Lộc: 174.948.745đ.

- Phải thu 10,5% tháng 6/2015 BHXH, BHYT, BHTN trừ vào lương người LĐ: 42.909.181đ.

Tình hình trích lập dự phòng nợ khó đòi đến 30/6/2015: Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng 100% cho các công nợ khó đòi

TT	Tên khách hàng	Nợ phải thu khó đòi	Đã trích dự phòng khó đòi
----	----------------	---------------------	---------------------------

5	Cty TNHH SXTM Đại Lộc	49.954.996.739	49.954.996.739
6	Cty TNHH Nguồn tiếp vận Song Long	31.367.943	31.367.943
7	Cty TNHH SXTM Vinh Phát Đạt	445.500.000	445.500.000
	Cộng	50.431.864.682	50.431.864.682

-Phân công nợ phải trả:

+ Phải trả nợ vay ngân hàng và khách hàng dài hạn:

Công ty tiếp tục cân đối nguồn từng bước trả nợ phải trả quá hạn thanh toán cho khách hàng và ngân hàng tồn đọng các năm trước, trên cơ sở phương án trả nợ mà Công ty đã trình UBND Tỉnh phê duyệt, trong đó có khoản trả cho Ngân hàng Công Thương 3,905 tỷ để xóa nợ nhóm 5 (có sự chấp thuận của UBND tỉnh). Cụ thể trả nợ cho các chủ nợ trong 6 tháng đầu năm như sau:

TT	Tên chủ nợ	Nợ gốc đến 01/01/2015	Đã trả	Còn nợ đến 30/6/2015	Ghi chú
	Nợ vay ngân hàng	28.913.995.256	4.805.296.360	24.108.698.896	
1	NH Công thương PY	10.197.144.328	3.905.296.360	6.291.847.968	
2	NH Đầu tư và PT PY	18.716.850.928	900.000.000	17.816.850.928	
	Nợ quá hạn các khách hàng	4.910.875.276	500.000.000	4.410.875.275	
3	Cty Hưng Gia Nguyễn	4.107.334.501	500.000.000	3.607.334.501	
4	Cty Liên An	803.540.775		803.540.775	
	Cộng	33.824.870.532	5.305.296.360	28.519.574.171	

+ Nợ phải trả khác:

• Phải trả cho VCQL & người LĐ : 3.087.077.420đ.

• Phải trả cho khách hàng ký quỹ : 80.000.000đ

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu = Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu

$$= 31.606/23.409 \text{ triệu đồng} = 1,35.$$

Hệ số >1 khả năng tài chính Công ty để thanh toán các khoản nợ là thấp.

2. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn (Biểu 06-Mẫu 01).

Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng 6 tháng đầu năm 2015 đạt 250,011 tấn đạt 54% kế hoạch, giảm 15% so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân khách quan sau:

-Công ty triển khai quyết liệt kiểm soát tải trọng xe ra vào cảng để nhận và trả hàng, làm cho tình hình lưu lượng xe làm hàng tăng cao gấp 3 lần nếu cùng làm sản lượng như năm trước.

-Sở GTVT Phú Yên đến tháng 6/2015 mới triển khai xi măng giao thông nông thôn nên cũng có phần nào ảnh hưởng đến sản lượng làm hàng của cảng.

Kết quả lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2015 Công ty là: 1.903.923.685đ, đạt 48% kế hoạch giao.

Hệ số bảo toàn vốn = Vốn CSH tại thời điểm báo cáo/Vốn CSH cuối kỳ trước liền kề = 23.409.593.825đ/21.505.670.140đ= 1,08.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /vốn CSH (ROE)= lợi nhuận sau thuế /vốn CSH
 =1.903.923.685đ/23.409.593.825đ = 8,13%.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (ROA)= lợi nhuận sau thuế /Tổng TS
 =1.903.923.685đ/59.273.122.227đ = 3.21%.

Căn cứ kết quả các chỉ tiêu trên, trong năm Công ty đã bảo toàn, phát triển vốn và sử dụng vốn có hiệu quả.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2015 (Biểu 03-Mẫu 01).

1.1 Tình hình SXKD:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH ₀ 2015	Thực hiện	Tỉ lệ %	Ghi chú
110		Tấn	460.000	250.011	54	
2	Doanh thu :	Tr. đ	27.000	13.923	51	
	- Cảng	"	25.748	12.959	50	
	- Tàu lai Vũng Rô 01	"	1.252	964	77	
3	Lợi nhuận :	"	4.000	1.903	48	
4	Nộp ngân sách :	"	2.300	882	38	
	- Thuế GTGT	"	2.297	879	38	
	- Thuế môn bài	"	3	3	100	

Hoạt động khai thác dịch vụ Cảng biển nhu cầu tiềm năng rất lớn, xu hướng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng ngày càng tăng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của Tỉnh, nhu cầu lưu thông hàng hóa các tỉnh tây nguyên giáp ranh với Phú Yên, tuy nhiên với công suất thiết kế của Cảng chỉ 250.000 tấn/năm, thực tế khai thác hiện nay đã quá công suất thiết kế cho phép gấp 02 lần chưa đáp ứng nhu cầu hàng hóa muốn thông qua cảng, ngoài ra nắm bắt thông tin từ năm 2016 Cảng Nhạ Trang sẽ chuyển công năng thành cảng du lịch, không tiếp nhận hàng hóa vì vậy nhận định hàng hóa sẽ điều tiết về cảng Vũng Rô tăng lên. Nếu được đầu tư về mở rộng cầu cảng, trang bị thêm máy móc thiết bị, tăng năng lực xếp dỡ thì sản lượng hàng hóa thông qua cảng hàng năm tăng từ 15-20%.

Sản lượng thông qua Cảng 6 tháng đạt được 250.011 tấn, 6 tháng cuối năm nhận định tình hình Nhà nước kiểm soát trình trạng xe quá tải, thời tiết xấu ảnh hưởng đến sản lượng hàng hóa thông qua Cảng giảm so cùng kỳ, Công ty đặt chỉ tiêu cố gắng phấn đấu hết năm 2015 đạt 500.000 tấn đạt 108.6% kế hoạch.

Về định hướng phát triển lâu dài, trên cơ sở nguồn lực hiện tại và định hướng mô hình phát triển, theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh Công ty đang xây dựng kế hoạch năm 2016 và kế hoạch 5 năm 2016-2020, và sẽ xây dựng phương án cổ phần hóa khi có chỉ đạo của UBND tỉnh.

Trước mắt Công ty đã trình xin chủ trương đầu tư mở rộng bến liên bờ và công bố khu neo để đón đầu phục vụ cho giai đoạn đầu xây dựng Nhà máy lọc dầu Vũng Rô.

1.2 Tình hình tài chính:

6 tháng cuối năm 2015 Tòa án Nhân dân tỉnh Phú Yên đưa vụ án liên quan đến Công ty ra xét xử, Công ty có khả năng thu hồi được công nợ của Công ty Đại Lộc (sau khi vụ án được xét xử), cùng với lợi nhuận hàng năm hoạt động kinh doanh Cảng, Công ty có phương án trả nợ (được duyệt) thì vẫn duy trì, phát triển hoạt động của cảng, hàng năm trả nợ, tình hình tài chính Công ty ngày càng ổn định và lành mạnh.

Định hướng phát triển lâu dài Công ty đề nghị UBND tỉnh quan tâm xem xét sớm đầu tư mở rộng bến liên bờ nhằm tăng thêm 200m cầu cảng khai thác, đồng thời tăng diện tích mặt bằng cảng đáp ứng nhu cầu sản lượng hàng hóa về cảng Vũng Rô.

Về tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo về tình hình hoạt động SXKD của Công ty và các vấn đề liên quan 6 tháng đầu năm 2015, kính trình UBND tỉnh và các ngành chức năng quan tâm, giúp đỡ và tháo gỡ những khó khăn trong giai đoạn hiện nay, tạo điều kiện để Công ty tiếp tục ổn định phát triển và bền vững trong thời gian tới, hoàn thành tốt nhiệm vụ của Tỉnh giao.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Chủ tịch Công ty.
- KSV Công ty.
- Lưu VT + KTTK.

CHỦ TỊCH CÔNG TY



Huỳnh Xuân Minh

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

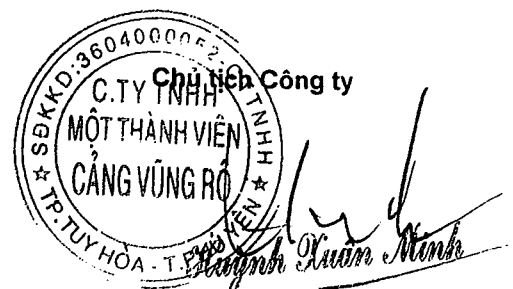
Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ 6 tháng năm 2013	Cùng kỳ 6 tháng năm 2014	Thực hiện năm 2015		Biên động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm 2015	Thực hiện 6 tháng năm 2015	Cùng kỳ năm 2013	Cùng kỳ năm 2014	Kế hoạch năm 2014
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng hàng hóa qua cảng(tấn)	209.483,62	294.204,45	460.000	250.011,71	1,19	0,85	0,54
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ	219	178		264	1,21	1,48	
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.932	15.329	27.000	13.743	0,86	0,90	0,51
2. Các khoản giảm trừ doanh thu							
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.932	15.329		13.743	0,86	0,90	
4. Giá vốn hàng bán	11.755	9.314		7.595	0,65	0,82	
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.177	6.015		6.148	1,47	1,02	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	343	140		138	0,40	0,99	
7. Chi phí tài chính	351	0,02			0,00	0,00	
8. Chi phí bán hàng							
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.840	2.846		4.425	1,56	1,55	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.329	3.309		1.861	1,40	0,56	
11. Thu nhập khác	1,8	22		43	23,89	1,95	
12. Chi phí khác	0	2					
13. Lợi nhuận khác	1,8	20		43	23,89	2,15	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.331	3.329		1.904	1,43	0,57	0,0
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	332				0,00		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	999	3.329		1.904	1,91	0,57	

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.
Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính công ty mẹ.

Người lập biểu

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thanh Trí



TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN 6 THÁNG NĂM 2015

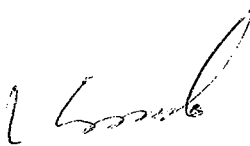
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	21.506	23.410	1,09
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.673	55.673	
2. Quỹ đầu tư phát triển	6.617	6.617	
3. Lợi nhuận chưa phân phối	(40.784)	(38.880)	
B. Tổng tài sản	61.155	59.273	
C. Lợi nhuận sau thuế	4.786	1.904	
D. Hiệu quả sử dụng vốn			
1. Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROA)	22,3	8,1	X
2. Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROE)	7,8	3,2	X

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của Công ty mẹ

Người lập biểu


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thành Trí




Huỳnh Khắc Kiên Minh